

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/DS-ST
Ngày 24 -01 - 2022
“*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đô và bà Võ Thị Thanh Huệ.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hà Thị Thúy Nga - Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên tòa:***
Ông Nguyễn Trọng Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 147/2021/TLST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2021/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị N; địa chỉ: Thôn Thuận Trung, xã H, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Hồng D và bà Đỗ Thị N, địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Anh Vũ Ngọc T; địa chỉ: Số 27/6 ấp P, huyện Q, tỉnh Đ; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Vũ Thị N trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 29/11/2016 bà Vũ Thị N cho vợ chồng ông Lê Hồng D và bà Đỗ Thị N vay số tiền 270.000.000 đồng và hẹn ngày 20/11/2017 âm lịch sẽ trả đủ. Đến hạn ông D, bà N không trả đủ số tiền đã vay nên đã thống nhất tách thành 02 khoản, một khoản là bà N, ông D tự trả (Đã

được Tòa án nhân dân huyện Đắk Song công nhận sự thỏa thuận của các đương sự), còn lại 107.000.000 đồng chuyển giao nghĩa vụ cho anh Vũ Ngọc T trả vì các đương sự cho rằng bà N sử dụng số tiền 107.000.000 đồng đã vay của bà N cho anh T vay lại, tính từ ngày 21/11/2018. Thỏa thuận ba bên này không được lập thành văn bản. Sau đó bà N tìm gặp anh T đòi nợ thì anh T trả lời không vay bà N nên không đồng ý trả nợ và viết giấy vay tiền với nội dung vay của bà N 107.000.000 đồng từ ngày 21/11/2018 đến ngày 21/11/2019 sẽ trả. Vì anh T chối ý không nhận nợ nên bà N khởi kiện yêu cầu ông D, bà N trả số tiền còn nợ và lãi suất phát sinh từ ngày 21/11/2018 đến nay theo lãi suất 1.66%/tháng (Bà N thỏa thuận với bà N cho vay lãi suất 2.5%/tháng). Tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 38 tháng (làm tròn), bà N yêu cầu trả tiền lãi 107.000.000 đồng x 1.665/tháng x 38 tháng = 67.495.600 đồng.

Tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai ngày 15/6/2021, bị đơn bà Đỗ Thị N trình bày: Ngày 29/11/2016 bà N vay của bà N 270.000.000 đồng, lãi suất 2.5%/tháng, hàng năm bà N đã trả đủ lãi cho bà N. Cuối năm 2018 bà N đưa anh Vũ Ngọc T đến để sang nợ cho anh T vì anh T vay của bà N 107.000.000 đồng; thỏa thuận này không được lập thành văn bản. Năm 2021 bà N đến gặp bà N yêu cầu viết giấy nợ lại vì bà N không đòi nợ được anh T. Bà N yêu cầu đưa vợ chồng anh T đến để ký giấy nợ cho bà N nhưng không thấy anh T đến. Nếu anh T ký giấy nhận nợ cho bà N thì bà N đồng ý trả gốc và lãi cho bà N. Nếu anh T vẫn tiếp tục chấp nhận trả nợ cho bà N thì vợ chồng bà N, ông D không còn nghĩa vụ gì đối với bà N nữa. Bà N thừa nhận đó là khoản vay chung của vợ chồng, mục đích vay tiền của bà N nhằm cho người khác vay lại trong đó có anh T vay số tiền 107.000.000 đồng.

Tại đơn trình bày ngày 22/11/2021, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Vũ Ngọc T trình bày: Anh T có vay của bà Đỗ Thị N số tiền 107.000.000 đồng, anh T cam kết sẽ trả số tiền trên cho bà N, giữa anh T và bà N không liên quan tiền bạc với nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung vụ án phát biểu như sau:

Qua nghiên cứu đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng thì thấy: Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và việc thụ lý giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong vụ án: Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị N. Buộc ông Lê Hồng D và bà Đỗ Thị N phải thanh toán cho bà Vũ Thị N số tiền 174.495.600 đồng; trong đó nợ gốc 107.000.000 đồng, lãi 67.495.600 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Bà Vũ Thị N khởi kiện ông Lê Hồng D và bà Đỗ Thị N về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn trú tại thôn Thuận Trung, xã H, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông. Vì vậy, tranh chấp thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đăk Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Về xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Hồng D, bà Đỗ Thị N và anh Vũ Ngọc T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do, do đó HĐXX xét xử vắng mặt ông D, bà N, anh T là có căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lời trình bày của các đương sự, chứng cứ nguyên đơn cung cấp thể hiện: Ngày 29/11/2016 bà Vũ Thị N cho vợ chồng ông Lê Hồng D và bà Đỗ Thị N vay số tiền 270.000.000 đồng, lãi suất 2.5%/tháng và hạn ngày 20/11/2017 âm lịch sẽ trả đủ. Đến hạn ông D, bà N không trả đủ số tiền đã vay nên đã thống nhất tách thành 02 khoản, một khoản là bà N, ông D tự trả (Đã được Tòa án nhân dân huyện Đăk Song công nhận sự thỏa thuận của các đương sự), còn lại 107.000.000 đồng chuyển giao nghĩa vụ cho anh Vũ Ngọc T. Thỏa thuận ba bên này không được lập thành văn bản. Sau đó bà N tìm gặp anh T đòi nợ thì anh T trả lời không vay bà N nên không đồng ý trả nợ và viết giấy vay tiền với nội dung vay của bà N 107.000.000 đồng từ ngày 21/11/2018 đến ngày 21/11/2019 sẽ trả. Vì anh T đồng ý không nhận nợ nên bà N khởi kiện yêu cầu ông D, bà N trả số tiền 107.000.000 đồng khi đến hạn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 351, Điều 463, khoản 1 Điều 466 của BLDS.

Khoản 1 Điều 351 của BLDS: “*Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ*”.

Điều 463 của Bộ luật dân sự quy định “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*”.

Khoản 1 Điều 466 của BLDS quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”.

Các chữ ký trong giấy vay tiền đã được giám định tại bản kết luận số 43/GĐTL-PC 09 ngày 06/4/2021 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đ kết luận là chữ ký của anh T nên HĐXX chấp nhận.

[3]. Về việc yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1.66%/tháng kể từ ngày 21/11/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn thừa nhận cho vay lãi suất 2.5%/tháng nên HĐXX xác định đây là hợp đồng vay tiền có thời hạn và có lãi theo quy định tại khoản 5 Điều 466 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự. Tuy nhiên nguyên đơn chỉ yêu cầu trả mức lãi suất 1.66%/tháng là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự và có lợi cho bị đơn nên HĐXX cần chấp nhận, cụ thể số tiền lãi cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn từ ngày 21/11/2018 đến nay là 38 tháng (làm tròn) là 107.000.000 đồng x 1.66%/tháng x 38 tháng = 67.495.600 đồng.

[4]. Xét nghĩa vụ trả nợ của ông D, bà N đối với ông Vũ Ngọc Kh (Chồng bà N): Tại bản tự khai ngày 15/6/2021 ông Kh trình bày: Số tiền bà N cho ông D, bà N vay là tiền riêng của bà N không liên quan gì đến ông Kh, do đó HĐXX cần chấp nhận không buộc ông D, bà N trả nợ cho ông Kh mà chỉ buộc trả cho bà N.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Điều 357 của Bộ luật dân sự quy định:

1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định:

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác...

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 nêu trên tại thời điểm trả nợ.

[5] Đối với số tiền anh Vũ Ngọc T trình bày còn nợ ông D, bà N, ông D bà N được quyền khởi kiện để Tòa án giải quyết trong một vụ án dân sự khác.

[6] Về chi phí giám định: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu chi phí giám định là 7.000.000 đồng, nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn 7.000.000 đồng là phù hợp quy định tại các Điều 159, 160, 161 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm là 8.725.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc ông D, bà N phải

nộp toàn bộ số tiền án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14; bà N được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên HĐXX cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 159, Điều 160, Điều 161, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị N.

Buộc ông Lê Hồng D và bà Đỗ Thị N phải thanh toán cho bà Vũ Thị N số tiền 174.495.600 đồng; trong đó 107.000.000 đồng nợ gốc và 67.495.600 đồng nợ lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về chi phí giám định: Buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn 7.000.000 đồng.

3. Về án phí: Ông Lê Hồng D và bà Đỗ Thị N phải chịu 8.725.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Vũ Thị N số tiền 3.741.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắc Song theo biên lai số 0005300 ngày 12 tháng 4 năm 2021.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song (02 bản);
- CCTHDS huyện Đắk Song;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Trúc Linh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA